|  |
| --- |
| **HỆ THỐNG SMS BRANDNAME**  **HƯỚNG DẪN KẾT NỐI SMS CSKH**  **QUA GIAO THỨC HTTP**  **Mã hiệu dự án: SMSBrandname**  **Mã hiệu tài liệu: http\_protocol\_specification**  **Phiên bản tài liệu: 1.0**  **Hà nội, 01 tháng 08 năm 2019** |

**MỤC LỤC**

**1.** **GIỚI THIỆU**

1.1. Mục tiêu

1.2. Khái niệm, thuật ngữ

1.4. Mô tả chung

**2.** **API kết nối smsg qua giao thức http**

2.1. Đăng nhập hệ thống (login.jsp)

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Tham số đầu vào

2.1.3. Dữ liệu trả về

2.1.4. Ví dụ

2.4. Nhắn tin đến thuê bao

2.4.1. Mục đích

2.4.2. Tham số đầu vào

2.4.3. Dữ liệu trả về

2.4.4. Quy trình

1. **GIỚI THIỆU**
   1. **Mục tiêu**

Tài liệu mô tả các chức năng hệ thống SMS Brandname cung cấp qua giao thức http hỗ trợ client kết nối & thực hiện gửi/nhận tin nhắn SMO.

Tài liệu được viết ra để hỗ trợ lập trình viên, cán bộ tích hợp trong việc kết nối đến SMS Brandname khai thác dịch vụ.

* 1. **Khái niệm, thuật ngữ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thuật ngữ** | **Định nghĩa** | **Ghi chú** |
| SMS Brandname | Hệ thống cổng dịch vụ nhắn tin |  |
| SMS | Tin nhắn |  |
| SYSTEM | Hệ thống kết nối đến SMS Brandname để gửi/nhận tin nhắn đến thuê bao |  |

1. **Thuật ngữ và định nghĩa**
   1. **Mô tả chung**

Hệ thống SMS Brandname cho phép người dùng kết nối & thực hiện gửi/nhận tin qua giao thức http tại địa chỉ: [https://smsbrandname.mobifone.vn/smsg](https://smsbrandname.mobifone.vn/smsg%20)

Qua giao thức http, client có thể thực hiện các thao tác:

* <https://smsbrandname.mobifone.vn/smsg/login.jsp> :Đăng nhập hệ thống
* <https://smsbrandname.mobifone.vn/smsg/send.jsp> :gửi tin nhắn đến TB

1. **API kết nối SMS Brandname qua giao thức http**
   1. **Đăng nhập hệ thống (login.jsp)**
      1. **Mục đích**

Đây là bước đầu tiên client cần thực hiện trước khi thực hiện các thao tác gửi/nhận tin. Client cần nhập các thông tin user/password, tên hệ thống, kiểu kết nối (gửi).

Nếu việc đăng nhập thành công, SMS sẽ trả về một mã phiên mà client cần gửi lên mỗi lần thao tác gửi nhận tin. Sau 30’ không tương tác, mã phiên sẽ hết hiệu lực & SMS sẽ yêu cầu client đăng nhập lại nếu muốn tiếp tục thao tác.

* + 1. **Tham số đầu vào**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tham số** | **Mô tả** |
| userName | Tên truy nhập |
| password | Mật khẩu |
| bindMode | Kiểu kết nối: T: kết nối để nhắn tin |

* + 1. **Dữ liệu trả về**

Nếu việc login thành công, SMS Brandname sẽ trả về trạng thái 200 (OK). Nội dung response sẽ là mã phiên mà client cần gửi lên mỗi lần thao tác gửi nhận tin.

Trường hợp login không thành công, SMS Brandname trả về trạng thái 403 (unauthorized) kèm theo nội dung là mô tả lỗi.

Một số thông báo lỗi mà SMS Brandname trả về

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã lỗi** | **Giải thích** |
| UserNameNotPassed | Client không gửi username trong yêu cầu đăng nhập |
| SystemTypeNotPassed | Client không gửi systemtype trong yêu cầu đăng nhập |
| BindModeNotPassed | Client không gửi bindmode trong yêu cầu đăng nhập |
| FTL-00016... | UserName không tồn tại hoặc đã bị khóa |
| FTL-00006... | Sai mật khẩu |
| FTL-00014 | User không có quyền kết nối theo giao thức http |
| PasswordExpired | Mật khẩu của client đã hết hiệu lực, cần đổi mật khẩu mới |
| User admin does not have right on bind mode T | User không có quyền kết nối theo kiểu T (gửi tin nhắn) |
| User admin does not have right on system Y | User không có quyền kết nối với hệ thống Y |

* + 1. **Ví dụ**

Request:

GET:

http://smsbrandname.mobifone.vn/smo/login.jsp?userName=taikhoandangnhap&password=matkhaudangnhap

Response:

{"sid":"NODE013d9tl4v1lup417k0iertxcar6231055","status":"200"}

* 1. **Nhắn tin đến thuê bao** 
     1. **Mục đích**

Gửi tin nhắn đến thuê bao.

* + 1. **Tham số đầu vào**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tham số** | **Mô tả** |
| Sid | Mã phiên |
| Sender | Số gửi |
| Recipient | Số TB nhận |
| Content | Nội dung tin |
| Encoding | Loại mã hóa (GSM7BIT: mã hóa không dấu; UCS2: mã hóa có dấu) |
| orderId | Mã đơn hàng |
| packageId | Mã gói |

* + 1. **Dữ liệu trả về**

Nếu việc xử lý thành công, SMS Brandname sẽ trả về trạng thái 200 (OK). Nội dung response sẽ là thông báo tin nhắn đã gửi thành công.

Trường hợp xử lý không thành công, SMS Brandname trả về trạng thái 403 (unauthorized) kèm theo nội dung là mô tả lỗi.

Một số thông báo lỗi mà SMS Brandname trả về

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung lỗi** | **Giải thích** |
| 1 | NotLoggedIn | Client chưa đăng nhập |
| 2 | SendNotAllowed | Client không được phép gửi tin nhắn (đăng nhập với bindmode R, bị chặn quyền, ...) |
| 3 | User admin does not have right on bind mode T | User không có quyền kết nối theo kiểu T (gửi tin nhắn) |
| 4 | User admin does not have right on system Y | User không có quyền kết nối với hệ thống Y |
| 5 | SenderNotPassed | Client không gửi sender trong yêu cầu nhắn tin |
| 6 | RecipientNotPassed | Client không gửi recipient trong yêu cầu nhắn tin |
| 7 | ContentNotPassed | Client không gửi content trong yêu cầu nhắn tin |

* + 1. **Quy trình**

Request: gửi có dấu

GET <https://smsbrandname.mobifone.vn/smo/send.jsp?sid=maphien&sender=brandname&recipient=sodienthoai&content=noidung&encoding=UCS2&orderId=madonhang&packageId=magoi>

Response:

{"message":"Sent success","status":"200"}

Request: Gửi không dấu

GET <https://smsbrandname.mobifone.vn/smo/send.jsp?sid=maphien&sender=brandname&recipient=sodienthoai&content=noidung&encoding=GSM7BIT&orderId=madonhang&packageId=magoi>

Response: {"message":"Sent success","status":"200"}